TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/DSPT
Ngày: 16 - 01- 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hải

Các Thẩm phán: + Ông Đỗ Ngọc Định

+ Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Khánh Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2016/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 59/2016/DSST ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2017/QĐPT ngày 12/12/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn* : Bà Phan Thị D, sinh năm: 1947 (Có mặt).

Trú tại: Thôn D, thị trấn B, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Thanh K, địa chỉ tại: Tổ 46, KV9, phường Đ, Tp.Q, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 10 năm 2016). (Có mặt).

- *Bị đơn* : Ông Đặng Xuân T1, sinh năm: 1972 (Có mặt).

Bà Bùi Thị Y, sinh năm: 1977 (Vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Thôn D, thị trấn B, huyện P, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :*

+ Ông Đặng C, sinh năm: 1930 (Vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1938 (Vắng mặt).

+ Bà Võ Thị T, sinh năm: 1973 (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của Ông C, Bà L và Bà T: Ông Đặng Xuân V, địa chỉ tại: Thôn D, thị trấn B, huyện P, Bình Định là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 12 năm 2016).

+ Ông Đặng Xuân V, sinh năm: 1969 (Có mặt).

+ Ông Đặng Xuân P, sinh năm: 1977 (Có mặt).

+ Ông Đỗ Văn T, sinh năm: 1972 (Có mặt).

+ Bà Đặng Thị Kim K, sinh năm: 1974 (Vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Thôn D, thị trấn B, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của Bà Đặng Thị Kim K: Ông Đỗ Văn T, địa chỉ tại: Thôn D, thị trấn B, huyện P, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 01 năm 2018).

- *Người kháng cáo*: Bà Phan Thị D là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2009 và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị D trình bày:

Ngày 20/9/2008 (âm lịch) Bà D cho vợ chồng Ông Đặng Xuân T1 và Bà Bùi Thị Y vay 10 lượng vàng SJC để kinh doanh, mua bán. Khi vay, có viết giấy vay vàng đứng tên người vay gồm: Ông Đặng C, Ông Đặng Xuân T1 và Bà Bùi Thị Y. Ông C có thế chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên: hộ Ông Đặng C, giấy vay vàng có chữ ký của Ông C, Ông T1 và bà Y. Thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 20/9/2008 (âm lịch). Lãi suất do các bên tự thỏa thuận. Việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn có sự đồng ý của Bà Nguyễn Thị L là vợ Ông Đặng C. Từ đó đến nay, vợ chồng Ông T1, Bà Y chưa trả vàng gốc và lãi cho Bà D. Nay Bà D yêu cầu vợ chồng Ông T1, Bà Y và vợ chồng Ông C, Bà L trả cho bà 10 lượng vàng SJC (gốc) và tính lãi theo quy định pháp luật.

- Tại các bản khai ngày 18/4/2011 và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Đặng Xuân T1 và Bà Bùi Thị Y trình bày: vào ngày 20/9/2008 (âm lịch) vợ chồng ông bà có vay của bà Phan Thị D 10 lượng vàng SJC, với lãi suất 2 chỉ vàng 24K một tháng. Khi vay có viết giấy vay vàng và có thế chấp 1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ Ông Đặng C (cha Ông T1). Hiện nay Ông T1, Bà Y đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Kim Sơn nên chưa trả 10 lượng vàng gốc và lãi cho Bà D. Khi nào chấp hành xong hình phạt về địa phương làm ăn thì Ông T1, Bà Y sẽ trả hết nợ cho Bà D.

- Tại bản khai ngày 13/06/2009, bản khai ngày 05/8/2009 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đặng C và Bà Nguyễn Thị L cùng với người đại diện theo ủy quyền

của Ông C, Bà L Ông Đặng Xuân V trình bày: Vợ chồng Ông C, Bà L không có vay vàng của bà Phan Thị D, cũng không thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ Ông Đặng C để bảo đảm cho vợ chồng Ông T1, Bà Y vay vàng. Chữ ký "C" ở cuối giấy vay vàng ngày 20/9/2008 do Bà D cung cấp không phải là chữ ký của Ông C. Vì vậy, Ông C, Bà L không chấp nhận trả vàng theo yêu cầu của Bà D. Ngoài ra, Ông C, Bà L yêu cầu Bà D phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ Ông Đặng C.

- Tại bản khai ngày 28/10/2014, ngày 18/5/2015 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi liên quan Ông Đặng Xuân V và Ông Đặng Xuân P trình bày: Ông V và Ông P là con của Ông C, Bà L và có tên trong sổ hộ khẩu do Ông Đặng C làm chủ hộ. Cha mẹ các ông đã già yếu sống nhờ vào các con và trợ cấp xã hội. Ông Đặng Xuân T1 và Bà Bùi Thị Y vay vàng của bà Phan Thị D để kinh doanh không có liên quan gì đến cha mẹ Ông V, Ông P và hộ gia đình các ông. Việc Ông T1 tự ý lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình Ông Đặng C thế chấp cho Bà D để vay vàng mà không được sự đồng ý của cha mẹ và các thành viên trong hộ là việc làm sai trái. Vì vậy, Ông V và Ông P yêu cầu Bà D trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình các ông.

- Tại bản khai ngày 22/6/2016, người có quyền lợi liên quan Bà Võ Thị T trình bày: Vào năm 1996 cha chồng bà là Ông Đặng C đã cho vợ chồng Bà T (chồng Bà T là Ông Đặng Xuân V) một thửa đất gần sát vách nhà Bà D ở thị trấn B để xây dựng nhà ở, nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Đầu năm 2009, vợ chồng Ông T1, Bà Y đã lén lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ Ông Đặng C thế chấp cho bà Phan Thị D để vay vàng, không có sự đồng ý của vợ chồng Bà T. Nay Bà T yêu cầu Bà D trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ Ông Đặng C.

- Tại bản khai ngày 22/6/2016, người có quyền lợi liên quan là vợ chồng bà Đặng Kim Khánh và Ông Đỗ Văn T2 trình bày: Vào năm 1994, Ông Đặng C và Bà Nguyễn Thị L (là cha mẹ Bà K) cho vợ chồng Bà K một mảnh đất tại thị trấn B để xây dựng nhà ở. Hiện tại cha mẹ Bà K chưa làm thủ tục sang tên. Sau đó, vợ chồng Ông T1, Bà Y đã lén lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ Ông Đặng C thế chấp cho bà Phan Thị D để vay vàng, không có sự đồng ý của các thành viên trong hộ. Nay Bà K và Ông T2 yêu cầu Bà D trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ Ông Đặng C.

**/- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 59/2016/DSST ngày 23/08/2016, Tòa án nhân dân huyện P, đã quyết định:*

Áp dụng các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/12/2009. Tuyên xử:

- Buộc vợ chồng Ông Đặng Xuân T1 và Bà Bùi Thị Y phải có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị D 10 (Mười) lượng vàng SJC.

- Bác yêu cầu tính lãi cho vay vàng của bà Phan Thị D.

- Bác yêu cầu của bà Phan Thị D đòi vợ chồng Ông Đặng C và Bà Nguyễn Thị L liên đới cùng vợ chồng Ông Đặng Xuân T1 và Bà Bùi Thị Y trả vàng cho bà.

- Buộc bà Phan Thị D trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X348306 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00061...QSDĐ/... ngày 15/12/2003 của UBND huyện P cho hộ Ông Đặng C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí giám định, về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ chấp hành bản án và thông báo quyền kháng cáo của đương sự.

**/- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/9/2016 bà Phan Thị D có đơn kháng cáo bản án số 59/2016/DSST ngày 23/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện P và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm hợp lệ.*

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu xác định về trình tự, thủ tục Tòa án thực hiện trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bà Phan Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị Y hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Kim Sơn nên có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Đặng C, Bà Nguyễn Thị L và Bà Võ Thị T có giấy ủy quyền cho Ông Đặng Xuân V tham gia phiên tòa; Bà Đặng Thị Kim K ủy quyền cho chồng là Ông Đỗ Văn T2 tham gia phiên tòa nên tòa đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bà Phan Thị D vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu tòa buộc vợ chồng Ông Đặng C và vợ chồng Ông Đặng Xuân T1 phải trả lại cho bà số vàng đã vay là 10 lương vàng SJC và yêu cầu tính lãi theo quy định. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Ngày 20/9/2008 (âm lịch) bà Phan Thị D có cho Ông Đặng Xuân T1 và vợ là Bà Bùi Thị Y vay 10 lượng vàng SJC, hai bên có viết giấy nhận nợ, có chữ ký của vợ chồng Ông T1 và Ông C, có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ông Đặng C đứng tên chủ hộ. Bà Phan Thị D yêu cầu buộc vợ chồng Ông Đặng Xuân T1 và vợ chồng Ông Đặng C cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà cả gốc và lãi; trong khi đó vợ chồng Ông T1 chấp nhận nợ Bà D 10 lượng vàng SJC và khi nào chấp hành hình phạt tù xong về làm ăn sẽ trả, còn Ông C cho rằng chữ ký trong giấy nhận nợ đề ngày 20/9/2008 (al) không phải là chữ ký của ông, việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do tự ý vợ chồng Ông T1 lén lấy đi thế chấp, vợ chồng ông không biết nên không chấp nhận cùng vợ chồng Ông T1 trả nợ

cho Bà D. Tại cấp sơ thẩm, Bà D yêu cầu giám định chữ ký của Ông Đặng C trên cơ sở mẫu chữ ký của Ông C trong quá trình giải quyết tại Tòa và Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất giữa Ông Đặng C với Ông Đặng Xuân T1 được lưu giữ tại Phòng tư pháp huyện P do Tòa thu thập theo yêu cầu của Bà D. Cấp sơ thẩm đã làm thủ tục trưng cầu giám định, tại các Công văn trả lời số 114/KTGĐTL ngày 17/9/2013 và 34/KTGĐTL ngày 21/3/2014 Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Định khước từ giám định vì lý do mẫu chữ ký so sánh của Ông Đặng C trên các tài liệu mẫu so sánh không ổn định, đặc điểm chữ ký thể hiện không rõ ràng và thời gian ký cách xa với chữ ký cần giám định. Không chấp nhận kết quả trên, Bà D yêu cầu giám định lại; cấp sơ thẩm tiếp tục yêu cầu Phân viện khoa học hình sự - Bộ công an tại Đà Nẵng thực hiện giám định; tại kết luận số 242/C54C ngày 28/5/2014 của Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận: "Chũ ký "C" dưới mục "cha" trên "giấy vay vàng", đề ngày 20/9/2008 AL (ký hiệu A) với chữ ký đứng tên Đặng C trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M6) có dạng chữ viết thường, đơn giản. Các chữ ký trên tài liệu mẫu thể hiện sau sự việc xảy ra, không thể hiện các đặc điểm riêng để truy nguyên. Không đủ cơ sở truy nguyên người ký". Tại cấp phúc thẩm Bà D tiếp tục có đơn yêu cầu giám định chữ ký Ông Đặng C, theo yêu cầu cùa Bà D cấp phúc thẩm tiếp tục thu thập chữ ký của Ông Đặng C tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P và có Quyết định trưng cầu giám định chữ ký của Ông Đặng C. Ngày 27/4/2017 Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Định có Công văn trả lời số 81/PC45 cho biết các tài liệu mẫu so sánh chưa thể hiện được tính ổn định cao, thời gian viết cách xa so với tài liệu cần giám định, chưa đủ cơ sở để kết luận truy nguyên. Do đó, Phòng kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Bình Định khước từ yêu cầu giám định và đề nghị cung cấp tài liệu mẫu so sánh phải ổn định, có thời gian viết trước hoặc sau 03 năm so với tài liệu cần giám định, có ít nhất 01 mẫu có cùng thời gian viết với tài liệu cần giám định. Số lượng mẫu cung cấp ít nhất là 03 mẫu đạt yêu cầu. Cấp phúc thẩm đã thông báo cho Bà D biết nội dung trả lời của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Định và ngày 19/5/2017 Bà D có đơn xin hoãn phiên tòa 03 tháng để thu thập cung cấp thêm chứng cứ chứng minh sự liên quan của Ông Đặng C, nhưng Bà D không cấp chứng cứ gì mới. Ngày 16/8/2017 Bà D lại có đơn yêu cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tiến hành giám định theo các mẫu đã được cấp phúc thẩm thu thập. Ngày 22/11/2017 Viện khoa học hình sự - Bộ Công an có Kết luận giám định số 398/C54-P5 thông báo kết quả giám định: Những người có mẫu chữ ký, chữ viết gởi đến giám định trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M6 không ký và viết ra chữ ký dạng chữ viết "c" dưới mục "cha" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A. Như vậy, qua kết quả giám định không có cơ sở để xác định chữ ký "C" trong giấy vay vàng ngày 20/9/2008 (al) là chữ ký của Ông Đặng C nên việc cấp sơ thẩm chỉ buộc Ông Đặng Xuân T1 cùng vợ là Bà Bùi Thị Y có nghĩa vụ trả nợ cho bà Phan Thị D 10 lương vàng SJC và bác khiếu nại của Bà D buộc vợ chồng Ông Đặng C cùng liên đới trả nợ là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với kháng cáo của Bà D về việc yêu cầu tính lãi số vàng đã cho vay: Xét thấy, tại điểm 5 phần I Thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT ngày 19/6/1997 của Bộ tài chính – Bộ tư pháp – VKSND tối cao – TAND tối cao về việc hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định: Trong trường hợp đối tượng hợp đồng vay tài sản là vàng, thì lãi suất chỉ được chấp nhận khi Ngân hàng Nhà nước có quy định..., kể từ ngày Bà D cho vay vàng đến nay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không có văn bản nào quy định về lãi suất cho vay vàng, việc Bà D yêu cầu tính lãi số vàng đã cho vay là không có căn cứ nên cấp sơ thẩm bác yêu cầu này của Bà D là có căn cứ.

[3] Ông T1 tự ý lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ Ông C đem thế chấp vay vàng của Bà D không được sự đồng ý của vợ chồng Ông C và các thành viên trong gia đình Ông C. Đồng thời, nếu có sự thỏa thuận giữa các bên trong việc thế chấp thì Hợp đồng thế chấp phải được lập thành văn bản theo quy định của Bộ luật Dân sự, nhưng trong trường hợp này Ông T1 chỉ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mục đích để làm tin khi vay vàng nên cấp sơ thẩm buộc Bà D phải hoàn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X348306, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00061/QSDĐ được UBND huyện P cấp ngày 15/12/2003 cho hộ Ông Đặng C là có căn cứ.

Từ những căn cứ nêu trên cấp phúc thẩm xét thấy kháng cáo của bà Phan Thị D không có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về chi phí giám định: Ngoài việc Bà D phải chịu chi phí giám định tại cấp sơ thẩm, Bà D còn phải chịu 5.000.000đồng tiền chi phi giám định do Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tiến hành.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị D phải chịu.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị giữ nguyên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/12/2009.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm

1/ Buộc Ông Đặng Xuân T1 và vợ là Bà Bùi Thị Y phải có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị D 10 (Mười) lượng vàng SJC.

2/ Bác yêu cầu tính lãi cho cho vay vàng của bà Phan Thị D.

3/ Bác yêu cầu cùa bà Phan Thị D đòi vợ chồng Ông Đặng C và Bà Nguyễn Thị L liên đới cùng vợ chồng Ông Đặng Xuân T1 và Bà Bùi Thị Y trả vàng cho bà.

4/ Buộc bà Phan Thị D trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X348306 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00061...QSDĐ/... ngày 15/12/2003 của UBND huyện P cho hộ Ông Đặng C.

5/ Về án phí:

5.1 Án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc Ông Đặng Xuân T1 và vợ là Bà Bùi Thị Y phải chịu 18.300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Phan Thị D 2.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 5232 ngày 03/6/2009 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P.

5.2 Án phí Dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị D phải chịu 200.000đồng án phí Dân sự phúc thẩm. Được trừ 200.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0000231 ngày 06/9/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P.

6/ Về chi phí giám định:

6.1 Bà Phan Thị D phải chịu 1.000.000đồng (theo phiếu thu số 19 ngày 28/5/2014 của Phân Viện kỹ thuật hình sự Đà Nẵng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí giám định 2.000.000đồng bà Phan Thị D đã nộp theo phiếu thu tiền số 01 ngày 01/8/2013 và phiếu thu 1.000.000đồng số 01 ngày 04/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện P. Bà Phan Thị D đã được Tòa án hoàn trả xong 2.000.000đồng tiền chênh lệch chi phí giám định theo giấy nhận tiền ngày 21/6/2016 của bà Phan Thị D.

6.2 Bà Phan Thị D phải chịu 5.000.000đồng tiền chi phí giám định theo Phiếu thu ngày 20/11/2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an (Số tiền này Bà D đã nộp xong).

7/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

Lê Xuân Hải